

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ V  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ- ST

Ngày: 10-9-2019

V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lê Văn Hiền

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Khánh

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hoàng Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố  
Viết Tr×

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn  
Thanh Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh  
Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2019/TLST-DS ngày 22  
tháng 5 năm 2019 về tranh chấp “Kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra  
xét xử số: 833/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn  
phiên tòa số 28/2019/QĐ-TA ngày 24 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

**- NgU đơn:** Anh Nguyễn Văn N – Sinh năm 1983

Địa chỉ: Khu 4, xã K, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

(Có mặt)

**- Bị đơn:** Công ty cổ phần P

Địa chỉ: Khu 1, xã Chu Hóa, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đào Hữu U - Chủ tịch HĐQT Công ty.

(Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên  
tòa hôm nay, ngU đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:*

Năm 2013, anh Nguyễn Văn N được tuyển dụng vào làm việc tại Công ty Cổ phần P. Xuất phát từ yêu cầu vốn để sản xuất kinh doanh, Công ty Cổ phần P (đăng ký tại Công ty Vibaco) đã có chủ trương huy động vốn trong cán bộ công nhân viên. Với mục đích hỗ trợ, giúp đỡ Công ty Vibaco mở rộng sản xuất, tăng sản lượng sản phẩm, sau khi được vào làm việc tại Công ty, ngày 14/12/2013, anh N đã nộp vào Công ty Vibaco 10.000.000đ (Mười triệu đồng), Công ty Vibaco phát hành phiếu thu chứ không lập hợp đồng vay vốn. Tuy nhiên hiện nay anh N không giữ được phiếu thu tiền (Liên 2) do công ty phát hành cho anh. Nhưng anh có các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho anh đã nộp số tiền huy động vốn là 10.000.000đ vào Công ty như sau: Biên bản xác nhận số dư ngày 20/1/2015 số tiền là 10.500.000đ và các bảng kê số dư chi tiết tài khoản huy động vốn năm 2015, năm 2016 do Công ty lập đều phản ánh số dư tiền huy động vốn mà công ty còn nợ anh. Tiền lãi hàng năm được tính theo lãi tiền gửi 5%/năm, lãi nhập gốc.

Hiện nay, anh N không còn làm việc tại Công ty Vibaco và đã nhiều lần yêu cầu Công ty thanh toán số tiền huy động vốn 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và tiền lãi hàng năm nhưng Công ty Vibaco không thanh toán cho anh. Tổng cả gốc và lãi đến ngày 31/12/2018 là 13.400.850đ (Mười ba triệu bốn trăm nghìn tám trăm năm mươi đồng), anh N tính làm tròn là 13.400.000đ.

Nay anh N đề nghị Tòa án xử buộc Công ty Vibaco phải có N vụ trả cho anh số tiền huy động vốn cả gốc và lãi tính đến ngày 31/12/2018 là: 13.400.000đ (Mười ba triệu bốn trăm nghìn đồng).

*Phía bị đơn là Công ty cổ phần P, đại diện theo pháp luật là ông Đào Hữu U vắng mặt tại phiên tòa, theo bản tự khai ông U trình bày:*

Ngày 03/11/2015 Ban Tổng giám đốc mới lên điều hành Công ty trong điều kiện tình hình tài chính của Công ty cạn kiệt, sản xuất kinh doanh gặp muôn vàn khó khăn, không có tiền mua nguyên vật liệu để sản xuất. Tuy nhiên, hiện tại Công ty Vibaco không có hợp đồng vay vốn nào với anh Nguyễn Văn N, chỉ có phiếu thu có chữ ký của Ban lãnh đạo tiền nhiệm, không có chữ ký của người nộp tiền và phiếu thu này cũng không được đóng dấu đỏ của Công ty. Ngoài ra khoản 2 Điều 20 Bộ luật lao động quy định "Người sử dụng lao động không được yêu cầu người lao động phải thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tiền mặt hoặc tài sản khác cho việc thực hiện hợp đồng lao động" nên việc Ban lãnh đạo tiền nhiệm phát hành phiếu thu huy động vốn đối với cán bộ nhân viên trong Công ty là không đúng quy định pháp luật. Hiện nay Ban lãnh đạo kế nhiệm công ty Vibaco chưa xác định được nguồn tiền vay của anh Nguyễn Văn N đã đi về đâu vì điều do Ban lãnh đạo tiền nhiệm thu và chi, nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

Đối với phiếu thu ghi nhận giữa Công ty Vibaco và anh Nguyễn Văn N có giao nhận số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) có ghi lý do nộp tiền là "Nộp tiền huy động vốn", không có chữ ký của bên nộp tiền, không có lãi suất cho vay không có số liệu cụ thể. Bảng kê ghi số dư chi tiết tài khoản huy động vốn -TK

3412 tại thời điểm ngày 31/12/2016 đối với anh Nguyễn Văn N có số dư cuối kỳ là 11.576.250 đồng.

Vì vậy ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa *phát biểu ý kiến:***

- Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 2, Điều 13 Nghị quyết 01/HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- + Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn N;
- + Buộc Công ty cổ phần P phải trả cho anh Nguyễn Văn N tổng số tiền gốc và lãi là: 13.400.000đ (Mười ba triệu bốn trăm nghìn đồng);
- + Về án phí: Buộc Công ty cổ phần P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền và thời hiệu: Tranh chấp giữa anh Nguyễn Văn N và Công ty cổ phần P là tranh chấp hợp đồng vay tại s¶n, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có trụ sở công ty tại xã Chu Hóa, thành phố V, tỉnh Phú Thọ nên Tòa án nhân dân thành phố V tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là phù hợp. Thời hiệu khởi kiện: Trong phiếu thu có nội dung là "Huy động vốn" giữa anh N và Công ty cổ phần P ký vào ngày 14/12/2013 không có thời hạn trả. Theo quy định tại §iêu 469 Bộ luật dân sự thì anh N có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc n¶m. Do vậy, anh N có quyền khởi kiện ra Tòa và còn thời hiệu khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án, ông Đào Hữu U là đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần P đã được Tòa án tiến hành thủ tục tổng đạt giấy báo hợp lệ đến Tòa án làm việc nhiều lần, tuy nhiên, ông U không đến Tòa và có gửi theo đường bưu điện đến Tòa án nhân dân thành phố V bản tự khai và các tài liệu chứng cứ. Do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân

sự. Tại phiên toà lần thứ nhất mở ông U có đơn xin vắng mặt tại phiên toà, Tòa án đã chấp nhận đơn đề nghị và ra quyết định hoãn phiên toà, tại phiên toà lần hai ông U lại có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2] Về nội dung vụ án:**

Xét yêu cầu của người đơn là anh Nguyễn Văn N thấy rằng: Ngày 14/12/2013 Anh Nguyễn Văn N có cho Công ty cổ phần P vay 10.000.000đ. Anh N không giữ được phiếu thu tiền (Liên 2) do công ty phát hành cho anh. Nhưng anh có các tài liệu chứng cứ để chứng minh anh đã nộp số tiền huy động vốn là 10.000.000đ vào Công ty cụ thể như sau: Biên bản xác nhận số dư ngày 20/1/2015 số tiền là 10.500.000đ và các bảng kê số dư chi tiết tài khoản huy động vốn năm 2015,2016 do Công ty lập đều phản ánh số dư tiền huy động vốn mà công ty còn nợ anh. Tiền lãi hàng năm được tính theo lãi tiền gửi 5%/năm, lãi nhập gốc. Phía bị đơn là Công ty cổ phần P thừa nhận có lập 01 phiếu thu ngày 14/12/2013 người nộp tiền là anh Nguyễn Văn N và bảng kê ghi số dư chi tiết tài khoản -TK 3412 huy động vốn năm 2015,2016 do Công ty lập như anh N xuất trình. Từ khi vay cho đến nay Công ty chưa trả cho anh N bất cứ khoản tiền nào kể cả gốc và lãi. Vì vậy buộc Công ty cổ phần P phải trả cho anh Nguyễn Văn N số tiền gốc là 10.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 31/12/2018 là 13.400.850đ. Tổng cả gốc và lãi là 13.400.850đ, anh N tính làm tròn là 13.400.000đ (Mười ba triệu bốn trăm nghìn đồng). nên Công ty cổ phần P phải trả cho anh Nguyễn Văn N là 13.400.000đ (Mười ba triệu bốn trăm nghìn đồng).

Tại thời điểm hai bên lập phiếu thu nhận tiền, Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực pháp luật nên Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

**[3] Về án phí:** Vì yêu cầu khởi kiện của anh N được chấp nhận nên Công ty cổ phần P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 473, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2017; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn N.

1/ Buộc Công ty cổ phần P phải trả cho anh Nguyễn Văn N tổng số tiền gốc và lãi là: 13.400.000đ (Mười ba triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì còn phải chịu lãi suất chậm thanh toán theo quy định Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

2/ VỒ ưn phÝ: Công ty cổ phần P ph¶i chĐu 670.000đ (Sáu trăm bảy mươi nghìn ® ảng) tiền ưn phÝ dân sự s ư thỀm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để đề nghị xét xử theo trình tự phúc thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết để đề nghị xét xử theo trình tự phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP V, tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục Thi hành án TP V;
- UBND phường V;
- Các đương sự;
- Lưu HS- VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Thị Đào**

